

ngàn viên châu đều nhập trong mỗi một viên châu. Trong mỗi một viên châu gồm trọn ngàn viên châu. Bởi thế, Đại kinh gồm trọn vô tận tạng. Sáu chữ hồng danh gồm trọn hết thầy pháp. Tịnh Độ chính là Thiên.

Kinh nói: *“Dùng cái tâm chúng sanh nhớ Phật, niệm Phật... chẳng nhọc phương tiện, tự được tâm khai”* và *“chỉ cần niệm A Di Đà đã là vô thượng thâm diệu thiên”*. Tịnh Tông cũng chính là Mật, một câu Di Đà chính là chân ngôn (câu đầu của chú Vãng Sanh chính là thánh hiệu Di Đà bằng tiếng Phạn. Namo amitabhaya tathagataya: Nam-mô A Di Đà Như Lai). Hơn nữa, *“tiếng và chữ chính là Thật Tướng”*. Bởi thế, trì danh chẳng khác gì trì chú, niệm Phật chính là niệm Thật Tướng, thẳng đến cứu cánh chẳng thể nghĩ bàn.

Nếu xét theo Lý thể thì *“pháp này bình đẳng, chẳng có cao thấp”*. Tám vạn bốn ngàn pháp môn, pháp nào cũng dẫn về Viên Đôn, môn nào cũng là hạt châu nơi lưới Thiên Đế. Bởi thế, những lời lẽ tán dương Tịnh Độ trong bản chú giải đây cũng là lời tán dương Thiên, ca tụng Mật, khen ngợi hết thầy pháp.

Phật pháp như chiêm-đàn cắt thành miếng, miếng nào cũng thơm; như đổ thủy ngân ra, giọt thủy ngân nào cũng tròn xoe. Nếu luận về mặt thích ứng căn cơ thì thiên sai vạn biệt, khó dễ cả một trời một vực, trong đại bình đẳng hiển lộ sự sai biệt đến tột cùng. Trong ngàn muôn viên châu, chỉ có một viên ngọc Tịnh pháp đối với kẻ phàm phu còn đầy đầy phiền não là dễ nghe, dễ biết, dễ tin, dễ nhập. Trong hết thầy pháp, Tịnh Độ là pháp dễ hành nhất.

Pháp môn Tịnh Độ lại gồm trọn muôn pháp, đốn siêu tam thừa, tâm này làm Phật, tâm này là Phật, đương hạ cứu cánh. Niệm Phật chính là có công tu đức thì Phật hiệu chính là tánh đức mới hiển. *“Bằng với chư Thánh trong một lời, vượt khỏi ba A-tăng-kỳ trong một niệm”*, nhiếp rộng khắp muôn loại, hội quy Nhất Thừa, vượt ngang khỏi tam giới, chứng trọn bốn cõi Tịnh Độ. Vì thế, trong hết thầy pháp, trước hết phải hoằng dương Tịnh Độ. Pháp môn vi diệu thù thắng như vậy *“chỉ có Phật với Phật mới có thể thấu hiểu rốt ráo”*. Niệm Tổ là kẻ hạ ngu dám đầu lăm bàn, kính mong chư vị Tăng, tục khắp nơi, những bậc đại đức tu lâu, chẳng tiếc lòng từ bi chỉ dạy đĩnh chánh cho, thật mong lắm thay.

*Hoàng Niệm Tổ cung kính đánh lễ*

*Đầu Thu năm Giáp Tý*

## PHỤ LỤC 1

### Đại kinh hợp tán

#### (Lời khen ngợi chung kinh Vô Lượng Thọ)

Muốn tu Tịnh Độ ắt phải đọc kinh này vì kinh này là cương yếu của mọi kinh Tịnh Độ. Không đọc kinh này thì chẳng thể thâm nhập, có đọc mới có thể tông trì. Người tu Tịnh nghiệp chẳng thể không đọc vì kinh này thuật đủ không sót nhân quả thế gian, xuất thế gian, sự khổ điều vui. Không đọc kỹ chẳng thể chánh tín. Đối với những y báo, chánh báo cõi Cực Lạc, pháp thức tu trì nếu không đọc kinh này thì khó lòng hiểu nổi.

Kẻ tu Thiền cần phải đọc kinh này vì pháp môn này chính là vô thượng thâm diệu Thiền. Vì Di Đà chính là tự tánh, vì Tịnh Độ chính là duy tâm. Có Thiền, có Tịnh Độ như hổ mọc thêm sừng. Hơn nữa, Thiền chính là Tịnh, Tịnh chính là Thiền; ngoài Tịnh chẳng có Thiền, chẳng tin Tịnh Độ chính là chẳng tin Thiền, mà cũng chính là chẳng tin vào tự tâm vậy.

Người học Mật cần phải đọc kinh này vì tự ngay đầu kinh, đức Thượng Sư thuyết pháp, nhập địa vị Quán Đảnh, thọ ký Bồ Đề, đến đạo tràng trang nghiêm, Bôn Tôn phóng quang, toàn bộ bốn thứ mạn-đà-la đều được đầy đủ. Hơn nữa, cõi Mật Nghiêm nào khác với Cực Lạc.

Người tu theo tông Hiền Thủ chẳng thể không đọc kinh này vì các đại Bồ Tát cùng tuân hạnh đức của Phổ Hiền đại sĩ, chỗ nào cũng dẫn dắt về Cực Lạc; vì kinh này thuần hiển lý sự vô ngại, mà cũng vì kinh này chính là Trung Bồn Hoa Nghiêm, vì Cực Lạc chính là Hoa Tạng.

Người theo tông Thiên Thai chẳng thể không đọc kinh này vì hề thành kính đọc theo kinh văn này thì Chỉ lẫn Quán đều vẹn, chẳng cần phải theo thứ lớp mà vào ngay môn viên đốn tự tại; vì cảnh chính là tâm, tâm chính là cảnh; vì hội tam quy nhất. Lại cũng chính vì kinh này chính là như kinh Pháp Hoa đã dạy: *“Duy thử nhất sự thật, dư nhị tắc phi chân”* (chỉ một sự thật duy nhất, còn hai sự khác thì chẳng phải là chân thật).

Người theo Pháp Tướng Tông chẳng thể không đọc kinh này vì y báo, chánh báo cõi Cực Lạc chính là Pháp Tướng, vì tín nguyện trì danh

chính là Duy Thức. Do nguyên sanh mà ngộ Vô Sanh, do Y Tha chúng được Viên Thật, vì nhập Hữu đắc Không, chuyển Thức thành Trí.

Người đã trì kinh Tiểu Bản càng lại nên đọc kinh này, đốn giác tâm địa khai minh. Đã đọc kinh này lại đọc kinh Tiểu Bản mới thấy chỗ giản dị, vi diệu, tinh thuần, thiết thực. Nương theo kinh này phát tâm Bồ Đề, một bề chuyên niệm thì mới đắc nhất tâm bất loạn, chẳng thể chuyên niệm thì thật khó mà nhất tâm.

Người đọc Quán kinh xong nên đọc kinh này để càng thêm tin “*tâm này làm Phật, tâm này là Phật*”, vì kinh này càng giảng tường tận về việc tu tập ba phước. Hơn nữa, so với những pháp nhật quán, thủy quán cho đến bảo thọ, Bồ Tát Phật quán trong Quán kinh thì cách tu tập trong kinh này lại càng thiết yếu, dễ tu hơn nữa.

Kẻ chưa tin Phật càng chẳng thể không đọc kinh này vì kinh này có khả năng phát khởi chánh tín, nhân duyên nguyện lực xuất sanh thiện căn, vì kinh này có thể gieo hạt giống đạo vĩnh viễn vào mảnh ruộng thức ô nhiễm. Đọc kinh này thì dầu chẳng tin Phật cũng chẳng trở thành kẻ ác.

Kẻ thích văn tự càng chẳng thể không đọc kinh này vì kinh này chọn lọc những điều thanh nhã, giản khiết từ cả năm bản dịch Hán, Ngụy, Đường, Ngô, Tống; đọc kỹ sẽ hiểu phương pháp hành văn khiến cho văn chương càng thêm cao diệu; lại nếu dùng Bát Nhã để quán chiếu văn tự thì sẽ thông đạt được Thật Tướng.

Người hướng đến Đại Thừa nhất định phải đọc kinh này vì trong kinh nói: “*Như thuyết tu hành, phi thị Tiểu Thừa, u ngã pháp trung đắc danh đệ nhất đệ tử*” (Đúng như lời dạy mà tu hành thì chẳng phải là Tiểu thừa, đáng gọi là đệ tử bậc nhất trong pháp ta). Người này đã từng gặp gỡ đức Phật quá khứ, được thọ ký Bồ Đề, vô lượng ức Bồ Tát thấy đều cầu pháp môn vi diệu này, tôn trọng nghe nhận, có nhiều vị Bồ Tát muốn được nghe kinh này mà chẳng được nghe.

Kẻ học Nho chẳng thể không đọc kinh này vì một bề chuyên niệm chính là “*thành ý chánh tâm*”. Phát Bồ Đề tâm mới có thể “*minh đức tân dân*”, cùng sanh Cực Lạc thì mới có thể “*chỉ u chí thiện*”. Sự tịch cảm của kinh Dịch, sự tinh nhất của kinh Thư, sự “*không điều gì chẳng kính*” của kinh Lễ, sự “*suy nghĩ chẳng tà*” của kinh Thi đều gồm trọn trong kinh này.

Chẳng luận là kẻ đang theo việc quân, người làm việc nước, kẻ đang học hành, người bận kinh doanh ai cũng không thể không đọc kinh này vì kinh này đối trị tham, sân, si, tiêu nghiệp, đoạn trừ tập khí, tăng phước khai huệ, uốn nắn tâm người, cải hóa phong tục, tiêu tai hóa kiếp, khiến cho vận nước xương long, thế giới bình an. Kinh này chính là vô tận bảo tạng vậy.

Chẳng luận tăng, tục, trai, gái, ai cũng không thể không đọc kinh này vì kinh này độ khắp ba căn, trị lành các bệnh, đẹp khổ ban vui, là đèn sáng phá tối tăm, là thuyền từ để vượt biển nghiệp, thật là Nhất Thừa liễu nghĩa, tông môn của vạn thiện, được mười phương chư Phật khen ngợi.

(Bửu Quang tự đệ tử Như Hòa dịch xong ngày 02 tháng 07 năm 2002 -  
Tường giáo, tặng đính lần thứ ba vào ngày 19 tháng 09 năm 2009 )

*Nguyện xin việc chuyển ngữ bản chú giải này nếu có chút phần công đức nào thì đều xin hồi hướng cho pháp giới chúng sanh, hết thảy u hiển thánh phàm cùng sanh Cực Lạc, cùng chứng đại Bồ Đề.*

## PHỤ LỤC 2

### Niên Sử Năm Bản Hán Dịch

Vạn Từ soạn

Như quyển Chú Giải này đã cho biết rằng kinh Vô Lượng Thọ khi được chuyển dịch sang Hán văn có đến mười hai bản dịch khác nhau, lưu truyền được đến ngày nay chỉ còn năm bản. Khi chuyển dịch sách này sang Việt ngữ, chúng tôi xin nêu ra sử và bối cảnh của năm bản dịch này.

**1-Vô Lượng Thọ Thanh Tịnh Bình Đẳng Giác Kinh** được dịch vào năm 186 bởi ngài Chi Lô Ca Sấm dưới thời vua Linh Đế triều Hậu Hán (25-220 sau CN).

Ngài Chi Lô Ca Sấm là người nước Đại Nhục Chi, đến Lạc Dương vào những năm cuối thời Hán Hoàn Đế (147-167). Trong khoảng 178-189, Ngài dịch được hơn hai mươi bộ kinh như: kinh Đạo Hành Bát

Nhã, kinh Bát Châu Tam Muội, kinh A Xà Thế Vương, kinh Thủ Lăng Nghiêm... Ngài là người đầu tiên dịch thuật và truyền bá kinh điển thuộc hệ Bát Nhã vào Trung Quốc. Riêng kinh Bát Châu Tam Muội góp phần hình thành tư tưởng Di Đà Tịnh Độ vào thời kỳ sơ khai, như về sau có ngài Lô Sơn Huệ Viễn lấy kinh này làm nền tảng để lập nên Bạch Liên Xã.

Ngài là người giới hạnh thanh cao, cần mẫn tu tập, suốt cả đời lấy chí nguyện hoằng dương Phật pháp làm trọng trách. Phong cách phiên dịch của Ngài là không câu nệ nơi lời văn trau chuốt, mà chỉ cần dịch toát được ý kinh. Ngài mất vào năm nào sử không ghi rõ.

**2- Phật Thuyết A Di Đà Tam Đa Tam Phật Tát Lâu Phật Đản Quá Độ Nhân Đạo Kinh** do ngài Chi Khiêm dịch vào năm 228 vào đời Ngô (222-280)

Ngài Chi Khiêm vốn là cư sĩ, tự là Cung Minh, xuất thân từ nước Đại Nhục Chi. Dưới thời Hán Linh Đế (168-189), theo học với ngài Chi Lượng là đệ tử ngài Chi Câu La Sấm.

Cuối triều Hậu Hán, xảy ra cục diện loạn lạc Tam Quốc phân tranh, Ngài chạy loạn vào đất Ngô, được Ngô Vương Tôn Quyền triệu kiến, lại hỏi về những điều thâm áo của Phật Pháp, ngài Chi Khiêm tùy nghi ứng đáp minh bạch. Ngô Vương rất cảm phục tôn Ngài làm Bác Sĩ để dạy cho Thái Tử Tôn Lượng.

Trong khoảng năm 222-253, Ngài dốc sức dịch được hơn ba mươi quyển kinh như: Kinh Duy Ma Cật, Kinh Đại Bát Nê Hoàn, Pháp Cú, Bát Sur.... Văn phong của Ngài rất uyển chuyển lưu loát.

Lúc Thái Tử lên ngôi, Ngài lui về ẩn cư nơi núi Khung Ải, gạt mọi việc đời, theo ngài Trúc Pháp Lan tu tập. Mất năm sáu mươi tuổi.

**3- Vô Lượng Thọ Kinh** do ngài Khang Tăng Khải dịch vào năm 252 tại chùa Bạch Mã, Lạc Dương.

Hiện nay các sử liệu còn lưu lại cho chúng ta biết rất ít về ngài Khang Tăng Khải, chỉ biết rằng Ngài xuất thân từ Thiên Trúc. Cuối niên hiệu Gia Bình (252), Ngài đến ngụ tại Lạc Dương kinh đô triều Tào Ngụy (220-263) một trong ba nước thời Tam Quốc. Trong thời gian ở Lạc Dương, Ngài ngụ tại chùa Bạch Mã, nơi đây Ngài dịch các kinh sau: Úc Già Trưởng Giả Vấn Kinh, Vô Lượng Thọ Kinh, Tứ Phần Tạng Yết Ma...

4- **Vô Lượng Thọ Như Lai Hội**, bản này trích từ kinh Đại Bảo Tích, do ngài Bồ Đề Lưu Chí dịch vào năm 706 vào đời Đường (618-907).

Ngài Bồ Đề Lưu Chí là người Nam Thiên Trúc, xuất thân từ giai cấp Bà La Môn, tinh thông thiên văn, địa lý, lịch số, chú thuật, y phương, cùng các học thuyết ngoại đạo. Năm sáu mươi tuổi ngộ được chỗ thâm diệu của đạo Phật. Năm sáu mươi bảy tuổi xuất gia tu hạnh đầu-đà. Từ đấy Ngài nổi danh là uyên bác.

Vì nghe danh nên vua Đường Cao Tông (650-683) cho người cung thỉnh Ngài sang Trung Quốc hoằng pháp; vì lòng đại bi thương xót chúng sanh trong vòng sanh tử, Ngài nhận lời mời. Đến Trung Quốc không bao lâu thì vua Cao Tông băng hà. Năm Trường Thọ thứ hai (693), Võ Hậu Tắc Thiên thỉnh Ngài trụ tại chùa Phật Thọ Ký ở thành Lạc Dương; tại đây Ngài dịch được mười một bộ kinh như: Phật Cảnh Giới, Bảo Vũ... Võ Hậu Tắc Thiên cũng hạ chiếu thỉnh Ngài dịch và giảng kinh Đại Bảo Tích.

Năm 706 đời vua Đường Trung Tông, Ngài dời đến chùa Sùng Phước, Trường An, tiếp tục dịch thêm được nhiều kinh khác. Công trình lớn nhất của Ngài là duyệt và dịch lại những hội chưa hoàn chỉnh của kinh Đại Bảo Tích, Ngài làm việc ròng rã suốt tám năm để hoàn tất việc này.

Tháng Chín năm Khai Nguyên thứ 15 (727) đời vua Đường Huyền Tông, tại chùa Trường Thọ, Lạc Dương, Ngài tuyệt thực, không thuốc men mà thần sắc vẫn tươi tỉnh. Ngày Năm tháng Mười Một, Ngài an nhiên thị tịch. Vua truy tặng chức Hồng Lô Đại Khanh, ban thụy hiệu là Khai Nguyên Nhất Thiết Biến Tri Tam Tạng.

Về tuổi thọ của Ngài thì có thuyết cho rằng 166 tuổi, nhưng có nơi lại nói rằng 156 tuổi và khi sang Trung Quốc thì Ngài đã 123 tuổi.

5- **Phật Thuyết Đại Thừa Vô Lượng Trang Nghiêm Kinh** do ngài Pháp Hiền dịch vào năm 980 dưới thời Bắc Tống (960-1127).

Hiện nay chúng ta chỉ còn biết rằng ngài Pháp Hiền xuất thân từ Tây Vực. Năm 980, Ngài dịch kinh tại phủ Hà Trung. Năm 982, được vua ban hiệu Truyền Giáo Đại Sư. Ngài mất năm 1001, được vua ban thụy hiệu là Huyền Giác Đại Sư. Kinh điển do Ngài dịch khoảng 120 bộ.

## Lược Sử Ngài U Khê

Vạn Từ soạn

Ngài U Khê tức là Truyền Đăng Đại Sư một cao tăng sống vào đời Minh (1368-1644), người ở Tây An, tỉnh Chiết Giang, Trung Quốc, họ Diệp, hiệu Vô Tận.

Thuở nhỏ lễ ngài Tiên Hiền Ánh Am cầu xuất gia, sau học giáo pháp Thiên Thai nơi ngài Bá Tùng. Năm 1582 đời Minh, nhân thừa hỏi ngài Bá Tùng yếu chỉ Lăng Nghiêm Đại Định, thấy ngài Bá Tùng tròng mắt nhìn quanh, chợt khế nhập, được truyền ca-sa tía viền vàng.

Năm 1587, Ngài chọn chùa Cao Minh ở U Khê, núi Thiên Thai, lập Tổ Đình Thiên Thai, dạy dỗ học tăng, nghiên cứu tu tập Thiền và Tịnh Độ. Ngài thường thẳng đường giảng pháp. Khi Ngài nhận chức Thụ Nghĩa trước tượng Đại Phật tại Cao Xương cả hội chúng đều nghe tiếng thiên nhạc vang rền. Bình thời Ngài thường tu các sám pháp: Pháp Hoa, Đại Từ, Quang Minh, Di Đà, Lăng Nghiêm... mỗi năm thực hành bốn pháp tam-muội. Khi lâm chung, Ngài viết năm chữ “Diệu Pháp Liên Hoa Kinh”, xướng to đề kinh hai lần rồi lặng lẽ thị tịch, thọ 75 tuổi.

Về năm sinh và năm mất của Ngài thì không rõ.

Tác phẩm của Ngài gồm có: Tịnh Độ Sanh Vô Sanh Luận, Lăng Nghiêm Kinh Huyền Nghĩa 4 quyển, Thiên Thai Sơn Phương Ngoại Chí 30 quyển, Lăng Nghiêm Kinh Viên Thông Sớ 10 quyển, Tánh Thiện Ác Luận 6 quyển,

A Di Đà Kinh Lược Giải Viên Trung Sao 2 quyển, Duy Ma Kinh Vô Ngã Sớ 12 quyển, Thiên Thai Truyền Phật Tâm Ấn Ký Chú 2 quyển.

Riêng quyển Tịnh Độ Sanh Vô Sanh Luận về sau được Ngẫu Ích Đại Sư xếp vào bộ Tịnh Độ Thập Yếu.

## MƯỜI ĐIỀU TÂM NIỆM

1/ Nghĩ đến thân thể thì đừng cầu không bệnh khổ, vì không bệnh khổ thì dục vọng dễ sinh.

2/ Ở đời đừng cầu không hoạn nạn, vì không hoạn nạn thì kiêu sa nổi dậy.

3/ Cứu xét tâm tánh thì đừng cầu không khúc mắc, vì không khúc mắc thì sở học không thấu đáo.

4/ Xây dựng đạo hạnh thì đừng cầu không bị ma chướng, vì không ma chướng thì chí nguyện không kiên cường.

5/ Việc làm đừng mong dễ thành, vì việc dễ thành thì lòng khinh thường kiêu ngạo.

6/ Giao tiếp đừng mong lợi mình, vì lợi mình thì mất đạo nghĩa.

7/ Với người đừng mong đều thuận theo ý mình, vì thuận theo ý mình thì lòng tất kiêu căng.

8/ Thi ân đừng cầu đền đáp, vì cầu đền đáp là thi ân có mưu đồ.

9/ Thấy lợi đừng nhúng vào, vì nhúng vào thì thì si mê phải động.

10/ Oan ức không cần biện bạch, vì biện bạch là nhân ngã chưa xả.



### **Lời Phật dạy:**

Lấy bệnh khổ làm thuốc thân

Lấy hoạn nạn làm giải thoát

Lấy khúc mắc làm thú vị

Lấy ma quân làm bạn đạo

Lấy khó khăn làm thích thú

Lấy kẻ tệ bạc làm người giúp đỡ

Lấy kẻ chống đối làm nơi giao du

Coi thi ân như đôi dép bỏ

Lấy xả lợi làm vinh hoa

Lấy oan ức làm cửa ngõ đạo hạnh.

Thế nên, ở trong chướng ngại mà vượt qua tất cả. Đức Thế Tôn được giác ngộ chính trong mọi sự chướng ngại. Ương Quật hành hung, Đề Bà khuấy phá, mà Đức Phật giáo hóa cho thành đạo tất cả. Như vậy há không phải sự tác nghịch là sự giúp đỡ cho ta ?

Ngày nay những người học Đạo, trước hết không dẫn mình vào mọi sự trở ngại, nên khi trở ngại xấp tới thì không thể nào đối phó. Chánh Pháp chí thượng vì vậy mà mất tất cả đáng tiếc đáng hận biết ngần nào ?

Trích “LUẬN BẢO VƯƠNG TAM MUỘI”

### **Các trang nhà Phật giáo**

<http://www.thondida.com>

<http://www.adidaphat.net>

<http://www.tinhthuquan.com>

<http://www.adidaphat.us>

<http://www.tinh tonghochoi.net>

<http://drbavn.users.ixpres.com/dharmasite.htm>

<http://www.amtb-usa.org>

<http://www.amtb-la.org>

<http://www.amtb-dba.org>

<http://www.amtb.org.tw>

<http://www.budaedu.org>

<http://www.chinkung.org>

<http://www.amitabha.com/intro/index.htm>

<http://www.amtbweb.org/tchem001.htm>

越南文譯本佛說大乘無量壽莊嚴清淨平等覺經解

黃念祖老居士著

寶光寺弟子如和恭譯

**Printed and donated for free distribution by  
The Corporate Body of  
The Buddha Educational Foundation**

11F, 55 Hang Chow South Road Sec 1,  
Taipei, Taiwan, R.O.C.

Tel: 886-2-23951198, Fax: 886-2-23913415

Email: [overseas@budaedu.org](mailto:overseas@budaedu.org)

Website: <http://www.budaedu.org>

**Kinh ấn tống không bán.**

**This book is strictly for free distribution, not for sale**